

MỘT SỐ Ý KIẾN VỀ CHỦ TRƯỞNG CỔ PHẦN HOÁ NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VÀ ẢNH HƯỞNG TỚI GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ “TAM NÔNG” Ở VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Hưng*

Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá IX về phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (2006-2010) tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng, trong phần định hướng phát triển ngành, lĩnh vực kinh tế và vùng, đã chỉ rõ “Hiện nay và trong nhiều năm tới, vấn đề nông nghiệp, nông dân và nông thôn có tầm chiến lược đặc biệt quan trọng. Phải luôn coi trọng đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp - nông thôn ...”. Đó cũng là định hướng phát triển kinh tế nông nghiệp, nông dân và nông thôn (nói ngắn gọn là “tam nông”) đã được Đảng ta khẳng định qua các kỳ đại hội. Sau Đại hội Đảng lần thứ VI (năm 1986), Nghị quyết 10 đã tạo điều kiện cho người nông dân được làm chủ trên mảnh đất của mình, được quyền sản xuất nông nghiệp trong dài hạn, trao đổi nông sản phẩm hàng hoá của mình làm ra, nhờ đó, mở ra giai đoạn phát triển mới cho nông nghiệp - nông thôn và nông dân Việt Nam.

Sau hơn 20 năm đổi mới, Đảng và Nhà nước ta đã đầu tư hàng ngàn tỷ đồng bằng vốn ngân sách nhà nước với nhiều chương trình quốc gia phát triển nông nghiệp và nông thôn như chương trình xây dựng mạng lưới điện, đường, trường, trạm; nước sạch và vệ sinh môi trường đến tận các làng, bản vùng sâu vùng xa; chương trình khuyến nông, khuyến ngư; chương trình quốc gia xoá đói giảm nghèo và nhiều chính sách khác

nhằm động viên nhiều nguồn lực để thực hiện chiến lược phát triển kinh tế nông nghiệp.

Một trong những nguồn lực có hiệu quả đó là cung cấp vốn tín dụng của các định chế tài chính cho người dân phát triển sản xuất nông, lâm, ngư, và diêm nghiệp. Sau khi Nhà nước ban hành Pháp lệnh Ngân hàng, Ngân hàng Nông nghiệp Việt Nam (Agribank) đã được thành lập (sau này là Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn), trở thành một nguồn cung cấp vốn tín dụng hàng đầu cho cho sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn, và nâng cao đời sống cho nông dân nước ta. Việc cổ phần hóa Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (từ đây gọi tắt là Agribank) có thể gây nên một số tác động đối với giải quyết các vấn đề “tam nông” ở Việt Nam, điều được phân tích, bàn luận trong bài viết này.

1. Vai trò của Agribank trong công cuộc phát triển kinh tế nông nghiệp - nông thôn trong hơn 20 năm đổi mới

Agribank được tách ra từ Ngân hàng Nhà nước từ năm 1988 và sau đó trở thành một ngân hàng chuyên doanh cho vay trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp và phát triển nông thôn. Sau hơn 20 năm thành lập, đến nay

* Nguyễn Xuân Hưng, Hà Nội.

Agribank đã trở thành ngân hàng hoạt động đa năng. Ngoài hai hội sở chính và 2.200 chi nhánh, phòng giao dịch, Agribank còn có 8 công ty trực thuộc, 2 công ty cho thuê tài chính; 2 công ty vàng bạc đá quý; công ty chứng khoán; công ty in và đầu tư, thương mại dịch vụ ngân hàng; công ty du lịch thương mại; và công ty quản lý nợ và khai thác tài sản, công ty cổ phần bảo hiểm và Ngân hàng liên doanh Vina Siam.

Đến nay, mạng lưới các chi nhánh, phòng giao dịch Ngân hàng trải rộng trên tất cả các huyện, thị, đã huy động được nhiều nguồn vốn từ thành thị để đầu tư cho nông nghiệp - nông thôn, tiếp cận được 12.000 xã, phường trong cả nước, với gần 30 ngàn cán bộ công nhân viên.

Vốn tín dụng của Ngân hàng Agribank đã góp phần thúc đẩy tăng trưởng GDP trong nông nghiệp bình quân 4-4,5%/ năm, góp phần đưa nước ta từ một nước phải nhập khẩu lương thực đến nay đã trở thành một trong những nước hàng đầu về xuất khẩu một số mặt hàng nông sản. Nguồn vốn cho vay của Agribank còn tạo công ăn việc làm, xoá đói, giảm nghèo, hạn chế tái nghèo, góp phần giảm tỷ lệ hộ nghèo đến cuối năm 2007 xuống còn 14,7% (theo chuẩn nghèo mới). Với chức năng chuyên doanh của mình, thông qua việc khoan nợ, giãn nợ, xoá nợ cho bà con nông dân, Ngân hàng luôn là chỗ dựa quan trọng về vốn cho bà con nông dân để phát triển sản xuất, kinh doanh, cải thiện đời sống, giảm hậu quả do thiên tai, dịch bệnh, mất mùa, rớt giá gây nên (xem thêm Hộp 1).

Hộp 1: Vai trò của Ngân hàng đối với phát triển nông nghiệp và nông thôn

Tính đến cuối năm 2007, Ngân hàng Agribank đạt được một số thành tựu sau:

Tổng tài sản đạt 325.802 tỷ đồng; tương đương 20 tỷ USD. Tổng nguồn vốn huy động đạt 295.048 tỷ đồng, tổng dư nợ cho vay và đầu tư đạt 242.102 tỷ đồng, trong đó dư nợ cho vay nông nghiệp, nông thôn chiếm tới 70% tổng dư nợ. Hiện Ngân hàng cho vay vốn gần 10 triệu hộ nông dân, chủ trang trại, làng nghề; cho vay doanh nghiệp nông thôn chiếm 40% tổng dư nợ các doanh nghiệp ngoài quốc doanh; cho vay hộ sản xuất đạt 105.951 tỷ đồng, chiếm 56,9%; và cho vay hợp tác xã (HTX) đạt 512 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 0,3%.

Nguồn: [www. Agribank.com.vn](http://www.Agribank.com.vn).

Thực hiện chủ trương của Chính phủ cổ phần hoá các doanh nghiệp nhà nước (DNNN) quan trọng, theo Quyết định số 1729/2006/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ (ban hành ngày 29/12/2006), Ngân hàng Agribank sẽ được cổ phần hoá vào năm 2009. Tuy nhiên, Ban lãnh đạo Ngân hàng đã có văn bản đề nghị Chính phủ cho tiến hành cổ phần hoá vào năm 2008 và được Chính phủ chấp thuận (theo công văn số 2138/VPCP-ĐMN ngày 29/4/2007).

2. Một vài ý kiến về việc cổ phần hoá Ngân hàng Agribank

Cổ phần hoá các doanh nghiệp nhà nước là chủ trương lớn của Đảng, Nhà nước để thực hiện đường lối phát triển kinh tế thị trường theo định hướng XHCN, tăng hiệu quả hoạt động của chúng. Không thể phủ nhận được những lợi ích thiết thực cho nền kinh tế trong việc cổ phần hoá các doanh nghiệp nhà nước (DNNN), trong đó có các ngân hàng thương mại nhà nước (NHTMNN), đó là:

- Đối với Nhà nước: không cần bổ sung tăng vốn điều lệ cho các NHTMNN, nhất là khi ngân sách nhà nước còn hạn hẹp; thu về được số vốn lớn cho ngân sách nhà nước thông qua việc bán bớt cổ phần, ngân sách; và không phải cấp bù lỗ cho các NHTMNN; tạo điều kiện tăng hiệu quả sử dụng vốn nhà nước tại các NHTMNN sau khi cổ phần hoá.

- Đối với NHTMNN và các cổ đông: tăng thêm năng lực tài chính khi bán cổ phần cho các cổ đông chiến lược nhất là ngân hàng nước ngoài; tăng mức an toàn vốn trên 8% theo quy định của NHNN bằng việc chào bán cổ phiếu trên thị trường chứng khoán; cải thiện một cách đáng kể năng lực quản trị, điều hành và kỹ thuật công nghệ nhờ được các cổ đông chiến lược nhất là ngân hàng nước ngoài chuyển giao; có cơ hội tăng thêm các dịch vụ ngân hàng bán lẻ, nâng cao tính cạnh tranh giữa các tổ chức tín dụng; nhờ đó, mang lại lợi nhuận cao cho các cổ đông, trong đó có cán bộ, công nhân viên của NHTMNN sau khi cổ phần hoá.

Việt Nam về cơ bản vẫn là nền kinh tế có ngành sản xuất nông nghiệp nhỏ, lạc hậu; liên tục phải đối mặt nhiều rủi ro như thiên tai, dịch, bệnh; nông dân, ngư dân nhiều khi gặp nhiều khó khăn khi giá cả xăng dầu, phân bón,... tăng cao hoặc giá nông sản sụt giảm. Không như các nước phát triển cũng như nhiều nước trong khu vực như Philipin, Việt Nam vẫn chưa có chính sách để bảo đảm an sinh cho nông dân, cụ thể là chưa có tổ chức bảo hiểm nông nghiệp. Việc bảo hiểm nông nghiệp cho nông dân, ngư dân đã được Chính phủ và một số doanh nghiệp thí điểm thực hiện, tuy nhiên, đến nay chưa mang lại kết quả như mong muốn. Bảo Việt đã triển khai thí điểm bảo hiểm mùa màng cho 200 ngàn ha đất sản xuất nông nghiệp ở một số tỉnh đồng bằng sông Cửu Long trong những năm 1994-1998 với kết quả rất hạn chế: tổng số thu phí bảo hiểm được 13 tỷ đồng còn số tiền bồi thường lên đến 14,4 tỷ đồng. Năm 2002, Công ty TNHH Bảo hiểm nông nghiệp Groupama (100% vốn nước ngoài) cũng đã thí điểm bảo hiểm nông nghiệp cho một số tỉnh đồng bằng sông Cửu Long và Miền Đông Nam Bộ nhưng đến nay cũng đã phải ngừng thực hiện. Theo đánh giá của các chuyên gia bảo hiểm, chỉ với

khoảng 1% diện tích cây trồng, vật nuôi tham gia bảo hiểm; trong lúc giá trị thiệt hại do thiên tai gây ra lên đến mức tương đương 8,2% GDP trong năm 1994, 10,5% GDP trong năm 1997, và 4,8% GDP trong năm 2000. Tình trạng này làm nhụt chí các công ty bảo hiểm.

Trước tình hình lạm phát tăng lên tới 12,63% đến cuối năm 2007 và 15,96% trong 5 tháng đầu năm 2008, Nhà nước phải thực hiện chính sách thắt chặt tiền tệ, hạn chế tín dụng, điều chỉnh biên độ tỷ giá và cắt giảm đầu tư công, trong đó có các dự án, công trình phục vụ nông nghiệp nông thôn. Những tác động từ chính sách thắt chặt tiền tệ trên đây đã và đang ảnh hưởng không nhỏ đến công cuộc phát triển nông nghiệp - nông thôn và đời sống của đại đa số nông dân. Giá cả các mặt hàng phục vụ cho nông, ngư nghiệp như phân bón, thuốc trừ sâu, thức ăn gia súc, xăng dầu... đều tăng cao làm tăng chi phí sản xuất, ảnh hưởng đến sức tiêu thụ sản phẩm nông sản hàng hoá trong nước, giảm sức cạnh tranh về giá trên thị trường quốc tế. Tỷ giá USD so với VND trong thời gian qua biến động khó lường, có lúc VND tăng giá so với USD đã làm cho các doanh nghiệp xuất khẩu khó bán được ngoại tệ cho NHTM và khó vay vốn bằng USD khi có nhu cầu; khi VND giảm giá so với USD tạo thuận lợi cho hàng hoá xuất khẩu nhưng sẽ bất lợi khi phải mua hàng nhập khẩu phục vụ cho sản xuất nông nghiệp. Việc hạn chế ở mức 30% tăng trưởng tín dụng so với năm 2007 đối với các NHTM trong đó có Ngân hàng Agribank đã ảnh hưởng đến các hộ nông dân và các doanh nghiệp cần vay vốn để duy trì, mở rộng sản xuất kinh doanh và xuất khẩu. Chính vì vậy, gần đây, Nhà nước đã phải can thiệp bằng việc tăng vốn tín dụng 1.000 tỷ đồng cho các doanh nghiệp thu mua và xuất khẩu cá tra, cá ba sa ở các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long thông qua việc giải ngân nguồn tín dụng từ Ngân hàng. Sau Tết nguyên đán năm Ất Ty (2008), thời tiết rét đậm, rét hại ở các tỉnh phía Bắc và Thừa Thiên - Huế trở ra đã cướp đi hàng chục ngàn đầu gia súc, hàng ngàn ha mạ gây thiệt hại hàng chục ngàn tỷ đồng cho bà con nông dân, ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống, ngoài việc Chính phủ xuất gạo cứu đói, trợ cấp tiền cho các hộ nông dân

có trâu bò bị chết, Chính phủ đã chỉ đạo các NHTM trong đó có Ngân hàng hoãn nợ, khoan nợ đối với các khoản vay nợ giảm nhẹ thiên tai này. Gần đây, dịch lợn tai xanh đã hoành hành ở nhiều tỉnh trong cả nước gây thiệt hại to lớn cho bà con nông dân, Chính phủ lại phải chỉ đạo Ngân hàng khoan nợ, giãn nợ cho người vay. Trên đây là những dẫn chứng cho thấy vai trò quan trọng của Ngân hàng Agribank trong việc phát triển “tam nông”. Thử hỏi để thực hiện các chính sách về tín dụng như trên liệu có thể nào một NHTM-CP có thể thực hiện được khi mà họ theo đuổi mục tiêu tối đa hoá lợi nhuận?

Để góp phần làm rõ vấn đề này, tác giả xin nêu một vài ý kiến đề xuất như sau:

Thứ nhất, để thực hiện chiến lược phát triển nông nghiệp, nông thôn, nông dân trong giai đoạn hiện nay, Nhà nước chưa nên cổ phần hoá Agribank.

Kinh nghiệm nhiều nước cho thấy không phải nước nào cũng cổ phần hoá NHTMNN nhất là ngân hàng nông nghiệp. Trung Quốc là một nước có cùng chế độ chính trị với Việt Nam, chưa thực hiện cổ phần hoá Ngân hàng Nông nghiệp Trung Quốc mà chủ trương cơ cấu lại vốn và chỉ đạo thực hiện chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng (IPO) vào thời gian thích hợp (1). Năm 2007, Trung Quốc có mức lạm phát cao so với nhiều năm trước đó (trên 6,5%), Chính phủ Trung Quốc cũng phải áp dụng chính sách thắt chặt tiền tệ để chống lạm phát, đồng thời với việc tăng cường quản lý thị trường, quản lý giá cả, thúc đẩy sản xuất nông nghiệp phát triển và hỗ trợ cho người dân có thu nhập thấp. Ngoài ra, đầu năm 2008, Chính phủ Trung Quốc đã thông qua chính sách tài chính hỗ trợ ngành nông nghiệp thêm 25,25 tỷ nhân dân tệ (tương đương 3,5 tỷ USD) vào tổng ngân sách 562,5 tỷ USD mà trước đó Chính phủ đã duyệt để đầu tư vào “tam nông”. Số vốn này bằng 1/3 số tiền Chính phủ Trung Quốc đầu tư cho nông nghiệp - nông thôn của 5 năm trước đó.

Một số nước trong khu vực Đông Nam Á là những nước đang phát triển có đặc điểm đều là nước kinh tế nông nghiệp chiếm vị trí chủ yếu, đa số người dân là nông dân, sinh sống

bằng các hoạt động sản xuất nông nghiệp, tuy không có cùng chế độ chính trị như Việt Nam nhưng họ vẫn duy trì NHTMNN. Chẳng hạn, Thái Lan có Ngân hàng Nông nghiệp và Hợp tác xã Nông nghiệp Thái Lan (BAAC) là một ngân hàng do Chính phủ thành lập và cấp vốn từ năm 1966, với nhiệm vụ chủ yếu là cung cấp tín dụng cho các hộ nông dân. Philipin có Ngân hàng Đất (tạm dịch Land Bank), là một NHTM thuộc sở hữu Nhà nước, ngoài nhiệm vụ huy động vốn trong nước còn có chức năng như một kênh dẫn vốn ban đầu các khoản tín dụng từ các tổ chức tài chính quốc tế như WB, ABD để cho vay lại đối với Ngân hàng Nông thôn, Ngân hàng Hợp tác xã để cho khách hàng là nông dân vay. Các nước Nam Á như Ấn Độ có Hiệp hội Các ngân hàng hợp tác quốc gia Ấn Độ (NAFSCOB) là tổ chức tín dụng hàng đầu của nhà nước đóng góp cho công cuộc xây dựng và phát triển nông nghiệp của Ấn Độ. Sri Lanka có Ngân hàng Nhân dân mà sở hữu chính là Chính phủ Sri Lanka.

Thứ hai, điều gì xảy ra sau khi cổ phần hoá Agribank?

Để đạt kết quả về hoạt động kinh doanh tốt, tối đa hoá lợi nhuận, sau khi cổ phần hoá, các ngân hàng cổ phần hoá buộc phải điều chỉnh chiến lược kinh doanh như: chú trọng nâng cao quản trị doanh nghiệp, mở rộng cung cấp các dịch vụ ngân hàng bán lẻ ít gặp rủi ro; tổ chức lại các chi nhánh, phòng giao dịch gọn nhẹ có hiệu quả; lựa chọn, bố trí sắp xếp lại nhân sự từ trên xuống dưới phù hợp với tính chất, khối lượng công việc; xây dựng lề lối làm việc khoa học, tránh trùng lặp khi giải quyết công việc giữa các bộ phận, giữa cấp trên và cấp dưới; kết nối công nghệ thông tin trong toàn hệ thống; và khai thác lợi thế như mạng lưới hoạt động rộng khắp của Agribank.

Việc lựa chọn nhóm khách hàng để cung cấp dịch vụ, nhất là dịch vụ tín dụng là một thách thức: với nhiệm vụ chủ yếu cung ứng vốn tín dụng cho phát triển nông nghiệp - nông thôn thì việc cho vay vốn tín dụng trong sản xuất nông nghiệp luôn luôn tiềm ẩn nhiều dạng rủi ro không chỉ người vay

mà cả ngân hàng cũng phải phải gánh chịu. Từ trước đến nay, khi gặp rủi ro do thiên tai, dịch bệnh, rớt giá, Chính phủ thường chỉ đạo khoanh nợ, xoá nợ, dẫn nợ cho người vay. Sau khi cổ phần hoá Agribank, việc cho các đối tượng vay là nông dân, ngư dân - các đối tượng thường gặp nhiều rủi ro hơn - liệu có nhận được sự đồng thuận của các cổ đông, nhất là các cổ đông chiến lược không? Nếu Nhà nước vẫn tiếp tục áp dụng chủ trương khoanh nợ, xoá nợ như trước khi cổ phần hoá, vì cho rằng Nhà nước nắm giữ cổ phần chi phối có quyền quyết định thực hiện chính sách tín dụng phục vụ cho phát triển nông nghiệp - nông thôn, thì liệu có thể thu hút được các cổ đông chiến lược khác nhất là các ngân hàng nước ngoài mua cổ phần của Agribank được không?

Việc định giá tài sản Agribank cũng là công việc đầy khó khăn. Cùng với thương hiệu, với quy mô lớn về tài sản hữu hình và vô hình, được trải dài trong phạm vi cả nước quả là một khó khăn khi tiến hành định giá tài sản của Ngân hàng. Nhiều tài sản của các ngân hàng nhà nước cấp huyện được NHNN chuyển giao cho Agribank nhưng chưa được đánh giá lại theo quy định, với giá trị trên sổ sách của những tài sản này phần lớn dưới giá trị thực. Nếu không tổ chức định giá một cách chính xác, toàn diện có thể dẫn đến giá trị tài sản của nhà nước sẽ bị thất thoát khi tiến hành cổ phần hoá.

Với mạng lưới rộng khắp và số cán bộ, công nhân viên đông đảo, Agribank được coi là NHTMNN lớn nhất, được thành lập để phục vụ kịp thời cho nông nghiệp thực hiện nhiệm vụ chính trị hơn là lợi ích kinh tế. Việc tổ chức lại mạng lưới chi nhánh, sắp xếp bố trí nhân sự là cần thiết khi tiến hành cổ phần hoá. Tuy nhiên, một bộ phận cán bộ công nhân viên không đáp ứng được yêu cầu cũng sẽ phải nghỉ việc theo chế độ. Việc giải quyết một cách thoả đáng các quyền lợi của những người có những đóng góp không nhỏ trong quá trình xây dựng và trưởng thành cũng cần được tính đến một cách đầy đủ.

Để tăng thêm nguồn lực về tài chính để mở rộng đầu tư, Agribank buộc phải huy

động vốn trên thị trường chứng khoán, với đối tượng được cung cấp dịch vụ chủ yếu là nông nghiệp - nông thôn với nhiều rủi ro như trên thì liệu việc IPO có thành công hay không, nhất là khi thị trường chứng khoán Việt Nam gặp rất nhiều khó khăn trong năm 2008. Nếu thực hiện cổ phần hoá vào năm 2009 như dự kiến có thể chắc rằng Nhà nước và Agribank sẽ gặp khó khăn, ít nhất là trong IPO - điều tác động tiêu cực đối với mức vốn huy động được cho Nhà nước nói chung và Agribank nói riêng và hiệu quả hoạt động của Ngân hàng trong thời gian tới.

Vì những lý do trên, trong giai đoạn hiện nay, đề nghị:

a. Đề nghị Chính phủ chưa tiến hành cổ phần hoá Agribank trong thời gian tới (2009) và cả đến năm 2020 - khi nước ta về cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại như Nghị quyết của Đảng lần thứ X về chính sách "tam nông".

b. Tái cơ cấu lại vốn trước khi cổ phần hoá: để đảm bảo an toàn vốn tối thiểu theo quy định, Nhà nước nên bổ sung vốn điều lệ cho Agribank, nhằm tạo điều kiện cho ngân hàng này đủ sức cạnh tranh với các NHTM khác, hoàn thành Đề án xử lý nợ xấu, nợ tồn đọng trước ngày 31/12/2000 theo Quyết định số 149/2001/QĐ-TTg ngày 5/10/2001 của Thủ tướng Chính phủ, và nợ xấu mới phát sinh nhất là các khoản cho vay theo chỉ định của Chính phủ như Chương trình mía đường, đánh bắt xa bờ và các khoản khoanh nợ, xoá nợ từ quỹ dự phòng bù đắp rủi ro hoặc ngân sách nhà nước cấp bù để đảm bảo nợ xấu thấp hơn mức quy định.

c. Vốn là vấn đề cốt tử cho hoạt động ngân hàng, nhưng theo các phương tiện thông tin đại chúng, đến cuối năm 2007, số tiền Kho bạc Nhà nước gửi tại Agribank lên đến 40 ngàn tỷ đồng trong tổng số 52 ngàn tỷ gửi tại các NHTMNN¹. Để thắt chặt tiền tệ, Nhà nước chủ trương sẽ chuyển số tiền trên về Ngân hàng Nhà nước. Với tỷ trọng số tiền này chiếm hơn 14% tổng nguồn vốn hiện có của Agribank, trong khi buộc phải nộp dự trữ bắt buộc và mua tín phiếu bắt buộc của NHNN, Agribank sẽ gặp khó khăn về nguồn

vốn tín dụng khả dụng. Chính vì vậy, đề nghị NHNN cần có lộ trình khi thực hiện chuyển số tiền của Kho bạc gửi tại Agribank về NHNN nhằm đảm bảo tính thanh khoản và đặc biệt là đủ nguồn vốn để cung ứng vốn kịp thời, đầy đủ cho nhu cầu phát triển nông nghiệp - nông thôn và cải thiện đời sống của bà con nông dân trong “cơ bão giá” hiện nay và những năm tiếp theo;

e- Để xây dựng Agribank trở thành tập đoàn tài chính vững mạnh trước khi cổ phần hoá, cần tiến hành cổ phần hoá các công ty trực thuộc. Đây là một phương thức hữu hiệu, tăng thêm năng lực tài chính và uy tín cho Agribank.

g- Đề nghị Nhà nước nên thành lập một tổ chức bảo hiểm nông nghiệp như là tổ chức tài chính của nhà nước, hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, trong đó, nguồn vốn do Nhà nước cấp, người nông dân đóng góp một phần. Người dân ký hợp đồng với tổ chức này, khi gặp rủi ro được tổ chức này đánh giá thiệt hại và chi trả, nếu rủi ro quá lớn không đủ bù đắp, Nhà nước xem xét cấp bù để tổ chức này đủ khả năng thanh toán hợp đồng với nông dân. Hợp đồng bảo hiểm nông nghiệp được coi là tài sản thế chấp vay vốn tại ngân hàng, là nguồn vốn để trả nợ vốn vay. Đây có thể coi là một phương thức có hiệu quả để nông dân, ngư dân, các chủ trang trại, làng nghề dễ dàng tiếp cận với nguồn vốn tín dụng của bất cứ tổ chức tín dụng nào khi đầu tư cho nông nghiệp - nông thôn mà không sợ gặp rủi ro.

h- Tiến tới chấm dứt việc khoan nợ, xoá nợ các khoản vay tại ngân hàng khi gặp rủi ro như hiện nay². Đây là một bước tiến giúp cho bất cứ ngân hàng nào muốn đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn mà ít sợ gặp rủi ro; tạo cơ hội để tăng thêm giá trị nông, lâm, thuỷ xuất khẩu, tạo thêm công ăn việc làm cho nông dân.

Chủ trương cổ phần hoá Agribank là một chủ trương lớn có quan hệ trực tiếp đến lợi ích của hàng triệu nông dân, nhất là tầng lớp dân nghèo, thu nhập thấp. Vì vậy, việc cổ phần hoá Agribank cần được xem xét một cách thận trọng, toàn diện. Những ý kiến

trên mong được góp phần làm sáng tỏ vai trò của Agribank trong việc thực hiện chiến lược “tam nông” của Đảng trong công cuộc phát triển kinh tế nông nghiệp - nông thôn, xoá đói - giảm nghèo và nâng cao đời sống nông dân, giảm bớt tình trạng bất bình đẳng về thu nhập giữa thành thị và nông thôn nhằm ổn định tình hình chính trị, kinh tế - xã hội. □

1. Trịnh Chi Mai (2008), “Thắt chặt tín dụng về kiểm chế lạm phát nhưng cần thúc đẩy phát triển nông nghiệp nông thôn”, Tạp chí Thị trường Tài chính Tiền tệ, số 9 tháng 5/2008.
2. Ông Oliver E Reichert (chuyên gia tư vấn bảo hiểm của ADB), khuyên “Nhà nước cần có cơ chế nhằm phối hợp giữa bảo hiểm với ngân hàng, cụ thể là kết hợp cho nông dân vay vốn ngân hàng với bảo hiểm nông nghiệp, trong đó hỗ trợ phí bảo hiểm một phần cho bà con nông dân. Mặt khác Chính phủ cần hạn chế và tiến tới bỏ dần cơ chế khoan nợ, xoá nợ mỗi khi có thiên tai xảy ra để người dân tự giác hình thành ý thức tham gia bảo hiểm”.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Asoka de Silva (2004), “Các chính sách định chế chủ yếu về quản trị doanh nghiệp – một số nhân tố thành công, khó khăn và thách thức”, Tạp chí Ngân hàng, chuyên đề năm 2004.
- Gary B. Teves (2004), “Quản trị doanh nghiệp: Kinh nghiệm của Landbank- Philipinnes”, Tạp chí Ngân hàng số chuyên đề năm 2004.
- Nguyễn Thị Hương (2005), “Kinh nghiệm chuẩn bị quá trình cổ phần hoá các NHTMQD của Trung Quốc”, Kỷ yếu hội thảo khoa học của Vụ chiến lược phát triển Ngân hàng năm 2005.
- Pittayapol Nattaradol (2004), “Ngân hàng Nông nghiệp và HTX Thái Lan - các chính sách về quản trị doanh nghiệp và những nhân tố thành công chính”, Tạp chí Ngân hàng chuyên đề năm 2004.
- Ranjana Kuma (2004), “Những chính sách chủ yếu về quản trị doanh nghiệp - các nhân tố thành công, các vấn đề và tiềm năng”, Tạp chí Ngân hàng chuyên đề năm 2004.